

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 02 năm 2020
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Long.
2. Bà Nguyễn Thị Hơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trạng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 909/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thúy H**, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Số G, ấp P, xã Q, TP M, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị H và anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thúy H trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2003. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, TP M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18/02/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chăm lo gia đình, quan tâm đến vợ con, vợ chồng luôn có nhiều bất đồng trong lối sống hàng ngày, dẫn đến thường xuyên cãi vã, dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng cho

đến tháng 07/2018 thì anh chị quyết định sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Huỳnh A, sinh ngày 29/7/2004 và Nguyễn Minh Q sinh ngày 03/10/2012. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, yêu cầu anh T mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 4.000.000 đồng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống và việc đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì theo anh vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ, không đến mức trầm trọng, anh muốn hàn gắn để cùng nuôi dạy con cái. Do đó, với yêu cầu khởi kiện của chị H anh không đồng ý, vì anh vẫn còn rất thương vợ con.

* Tại phiên tòa:

- Chị Lê Thị Thúy H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh T, về con chung có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung sau khi ly hôn, về mức cấp dưỡng nuôi con chị rút lại yêu cầu, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con bao nhiêu thì tùy anh T chị không yêu cầu;

- Anh Nguyễn Minh T không đồng ý ly hôn với chị H. Tuy nhiên nếu Tòa án phán quyết cho anh chị ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mỗi tháng anh tự nguyện dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T, về con chung giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của anh T, mỗi tháng anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Thúy H và anh Nguyễn Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố M, tỉnh Tiền Giang được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18/02/2003. Ngày 22/11/2019 chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 và 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015 và theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy H và anh Nguyễn Minh T được Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung hôn nhân của anh chị hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống hằng ngày, lâu ngày dẫn đến tình cảm càng rạn nứt, anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, anh T luôn trình bày không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra một giải pháp nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị H trình bày, mâu thuẫn của anh chị phát sinh từ năm 2014. Sau đó chị cùng con về nhà mẹ ruột tại ấp B, xã T, Tp M, tỉnh Tiền Giang sinh sống. Trong khi đó anh T vẫn ở ấp P, xã Q, Tp M mà không có sự liên lạc nào để vợ chồng hàn gắn. Năm 2016 anh T có về ấp B xã T, Tp M, tỉnh Tiền Giang để sống gần chị và con nhưng anh chị thuê 02 phòng trọ ở riêng và sống ly thân cho đến nay. Anh T thừa nhận có sống riêng như chị H trình bày, nhưng anh đã cố gắng sửa chữa bản thân để gia đình đoàn tụ nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn. Hiện tại chị H trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh T nên đã nộp đơn ly hôn và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huỳnh A, sinh ngày 29/7/2004 và Nguyễn Minh Q sinh ngày 03/10/2012. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, cháu A và cháu Q hiện nay đã trên 07 tuổi, đang trực tiếp chung sống với chị H và cũng có nguyện vọng muốn được chung sống với mẹ, nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về mức cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị H rút lại yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Thị Huỳnh A và cháu Nguyễn Minh Q tròn 18 tuổi lao động được.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy H được ly hôn với anh Nguyễn Minh T;

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh A, sinh ngày 29/7/2004 và Nguyễn Minh Q sinh ngày 03/10/2012 cho chị Lê Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Thị Huỳnh A và cháu Nguyễn Minh Q tròn 18 tuổi lao động được.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000855 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí. Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thúy H và anh Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Thúy Hằng